

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc



BÁO CÁO TÓM TẮT
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2021 – 2030
VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU CỦA ĐIỀU CHỈNH
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
HUYỆN LÂM THAO - TỈNH PHÚ THỌ

Lâm Thao, năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



BÁO CÁO TÓM TẮT
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2021 – 2030
VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU CỦA ĐIỀU CHỈNH
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
HUYỆN LÂM THAO - TỈNH PHÚ THỌ

Ngày ... tháng ... năm

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH PHÚ THỌ

Ngày ... tháng ... năm

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	I
ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
Mục đích và yêu cầu lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Lâm Thao.....	1
1. Mục đích.....	1
2. Yêu cầu.....	2
PHẦN I.....	3
ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI.....	3
I. Căn cứ pháp lý để điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.....	3
II. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, kinh tế- xã hội, môi trường tác động đến việc sử dụng đất.....	3
2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường.....	3
2.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.....	4
2.2.1. Lĩnh vực kinh tế.....	4
2.2.2. Lĩnh vực xã hội.....	4
2.2.3. Đánh giá chung.....	5
2.2.3.1. Thuận lợi.....	5
2.2.3.2. Khó khăn.....	5
III. Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình quản lý, sử dụng đất và biến động sử dụng đất đến thời điểm điều chỉnh.....	5
3.1. Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai.....	5
3.2. Hiện trạng sử dụng đất và biến động các loại đất.....	6
3.2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất.....	6
3.2.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong quy hoạch kỳ trước.....	7
IV. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.....	8
4.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.....	8
4.1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.....	8
4.1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023.....	10
4.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.....	11

4.2.1. Những mặt đạt được.....	11
4.2.2. Những tồn tại.....	12
4.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ tới... 12	
PHẦN II	13
PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030	13
I. Điều chỉnh định hướng sử dụng đất.....	13
1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.....	13
1.2. Quan điểm sử dụng đất.....	13
II. Phương án quy hoạch sử dụng đất.....	13
2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội	13
2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng	13
2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ phương án phân bổ sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện và cấp xã.....	13
2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.....	15
2.2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất	18
2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng.....	37
2.3.1. Đất đô thị.....	37
2.3.2. Khu sản xuất nông nghiệp.....	37
2.3.4. Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp).....	37
2.3.5. Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)	37
2.3.6. Khu thương mại dịch vụ.....	37
2.3.7. Khu dân cư nông thôn	37
2.3.8. Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn	37
III. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến kinh tế - xã hội và môi trường	38
3.1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.....	38
3.2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực.....	38
3.3. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất.....	38

3.4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng.....	38
3.5. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc	39
3.6. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.....	39
PHẦN IV	40
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU CỦA ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	40
I. Chỉ tiêu sử dụng đất theo các mục đích sử dụng.....	40
II. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất	41
III. Diện tích đất cần thu hồi	41
IV. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	41
V. Danh mục công trình, dự án	41
PHẦN V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.....	42
I. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	42
II. Giải pháp về nguồn lực.....	42
III. Các giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện.....	42
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	44
I. Kết luận	44
II. Kiến nghị	44

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất đai là nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng trong môi trường sống, là địa bàn phân bố dân cư, cơ sở phát triển kinh tế, văn hoá đời sống xã hội nhân dân. Tài nguyên đất thì có hạn không tái tạo lại được trong đó dân số tăng nhanh dẫn đến nhu cầu sử dụng đất cho các mục đích ngày càng tăng. Để giải quyết vấn đề này cần phân bố sử dụng đất đai một cách hợp lý, có hiệu quả theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định tại Khoản 1 Điều 54 "Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật". Luật Đất đai năm 2013 tại Khoản 4 Điều 22 quy định "Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quản lý Nhà nước về đất đai".

Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Lâm Thao - tỉnh Phú Thọ đã được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt tại Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 và đã được triển khai thực hiện theo đúng tiến độ đề ra. Tuy nhiên, hiện nay các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện đã bị thay đổi do kết quả phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh cho huyện theo quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 23/04/2024 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030. Do đó các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện đã bị thay đổi và cần được điều chỉnh để phù hợp, đồng bộ với quy hoạch cấp trên.

Thực hiện văn bản số 3909/UBND-NNTN ngày 06 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện. UBND huyện Lâm Thao tiến hành thực hiện dự án *Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Lâm Thao*.

Mục đích và yêu cầu lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Lâm Thao

1. Mục đích

- Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Lâm Thao theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

- Rà soát đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt nhằm nghiên cứu để lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã, đảm bảo chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch tỉnh đã phân bổ,

phù hợp nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện và cấp xã theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của huyện.

- Lập Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện làm cơ sở cho việc triển khai lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên địa bàn huyện.

2. Yêu cầu

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải đảm bảo đúng quy định của Luật đất đai, Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất huyện Lâm Thao phải dựa trên hiện trạng sử dụng đất của địa phương.

- Phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp trên, quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch của các cấp, các ngành; các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ và chiến lược phát triển kinh tế xã hội của của huyện nói riêng cũng như cả tỉnh nói chung.

- Phải đáp ứng yêu cầu sử dụng nguồn tài nguyên đất đai tiết kiệm, có hiệu quả đi đôi với bảo vệ môi trường, tôn tạo di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh, đảm bảo phát triển bền vững.

PHẦN I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

- Luật Đất đai năm 2013 ngày 29/11/2013;
- Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ;
- Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Phú Thọ đến năm 2025;
- Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 23/04/2024 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030;
- Văn bản số 3909/UBND-NNTN ngày 06/10/2023 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện;
- Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 05/12/2023 của Thủ tướng Chính Phủ quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ- XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường

Huyện Lâm Thao nằm trong vùng đồng bằng và trung du của tỉnh Phú Thọ, có tổng diện tích tự nhiên là 9.835,41 ha, nằm trong khoảng toạ độ địa lý 21⁰14'30" đến 21⁰24'30" vĩ độ Bắc và 105⁰14'15" đến 105⁰22'00" kinh độ Đông.

Vị trí tiếp giáp của huyện với các vùng lân cận được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Phù Ninh và Thị xã Phú Thọ;
- Phía Đông giáp Thành phố Việt Trì và Thành phố Hà Nội;
- Phía Nam giáp huyện Tam Nông;
- Phía Tây giáp huyện Tam Nông.

Huyện Lâm Thao có 12 đơn vị hành chính gồm 10 xã và 2 thị trấn (thị trấn Lâm Thao và thị trấn Hùng Sơn). Trung tâm huyện lỵ là thị trấn Lâm Thao, cách thành phố Việt Trì khoảng 10 km về phía Tây.

2.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

2.2.1. Lĩnh vực kinh tế

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 2.860 tỷ đồng, tăng 11,3% so với cùng kỳ, đạt 106% kế hoạch (kế hoạch 2.700 tỷ đồng);
- Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt 515.000 triệu đồng, đạt 430% dự toán tính giao; đạt 112% NQ-HĐND huyện (Nghị quyết 460.750 triệu đồng);
- Giá trị sản phẩm bình quân/1ha đất canh tác và nuôi trồng thủy sản 167 triệu đồng (kế hoạch 165 triệu đồng);

2.2.2. Lĩnh vực xã hội

a. Thực trạng phát triển hạ tầng giao thông

Huyện Lâm Thao phát triển đa dạng nhiều loại hình giao thông: đường bộ; đường thủy; đường sắt. Trong đó đường bộ đang được đầu tư rất lớn để nâng cấp các tuyến đường hiện trạng, xây dựng các tuyến đường mới đáp ứng nhu cầu phát triển của huyện và đi lại của người dân.

b. Thực trạng phát triển hạ tầng thủy lợi

Hiện tại trên địa bàn huyện, hệ thống thủy lợi, hệ thống các trạm bơm, hệ thống kênh mương tưới tiêu, về cơ bản đảm bảo đáp ứng nhu cầu của sản xuất.

c. Thực trạng phát triển văn hóa - thể thao

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng “*nông thôn mới*” được đẩy mạnh, ý thức trách nhiệm của người dân được nâng lên. Các hoạt động thể dục thể thao quần chúng trong nhân dân tiếp tục được duy trì và thể thao thành tích cao được chú trọng.

d. Thực trạng phát triển bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin

Ứng dụng công nghệ thông tin được triển khai mạnh mẽ trong các cơ quan nhà nước, góp phần nâng cao chất lượng trong hoạt động quản lý và điều hành. Hệ thống phát thanh-truyền thanh tiếp tục được đầu tư nâng cấp; chất lượng, nội dung chương trình phát thanh được đổi mới kịp thời phục vụ nhiệm vụ chính trị và nhu cầu thông tin, giải trí của các tầng lớp nhân dân.

e. Thực trạng phát triển giáo dục - đào tạo

Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đào tạo, tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước, giữ vững kỷ cương nề nếp, tiếp tục đổi mới, phát triển một cách toàn diện, vững chắc. Chất lượng giáo dục mũi nhọn và giáo dục đại trà của huyện luôn giữ vị trí tốp đầu toàn tỉnh.

2.2.3. Đánh giá chung

2.2.3.1. Thuận lợi

Tình hình kinh tế- xã hội năm 2023 trên địa bàn huyện tiếp tục phát triển ổn định; các hoạt động sản xuất kinh doanh từng bước hồi phục và phát triển; Cơ cấu kinh tế, cơ cấu nội bộ các ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Thu hút đầu tư kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng then chốt đạt kết quả quan trọng, đã tạo sức lan tỏa và thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, thu ngân sách đảm bảo kế hoạch đề ra; phong trào xây dựng nông thôn mới được triển khai tích cực; cơ sở hạ tầng kinh tế- xã hội ở cả đô thị và nông thôn ngày càng được tăng cường. Các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hoá, xã hội được đảm bảo, quan tâm và thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội cho người dân. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

2.2.3.2. Khó khăn

Bên cạnh kết quả đã đạt được, còn một số hạn chế đó là:

- Sự phục hồi trong sản xuất, kinh doanh ở một ngành, lĩnh vực còn chậm.
- Tiến độ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để triển khai một số dự án còn chậm. Tình trạng nợ đọng thuế ở một số lĩnh vực chưa được xử lý triệt để.
- Vấn đề ô nhiễm môi trường không lớn, song cũng đã ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống và sức khỏe của nhân dân. Một phần môi trường đất đang bị suy thoái do: Hệ thống thu gom rác thải các loại chưa hợp lý; hệ thống sử dụng đất nông lâm nghiệp tiến bộ chưa được phổ biến rộng rãi.
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH - HĐH còn chậm. Khu vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chưa có bước đột phá lớn, công nghệ, trang thiết bị vẫn còn lạc hậu, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất còn thấp. Các dự án đầu tư nước ngoài vào huyện Lâm Thao so với các vùng khác trong nước còn ít.
- Sản xuất nông nghiệp vẫn còn manh mún, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi chưa mang lại hiệu quả cao.

III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH

3.1. Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai

Công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện trong những năm qua được triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng các quy định của pháp luật, đất đai được sử dụng tiết kiệm, hợp lý và mang lại hiệu quả cao, góp phần thực hiện tốt các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện nói riêng và của tỉnh Phú Thọ nói chung.

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013 và chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trong thời gian từ năm 2013 đến nay, UBND huyện Lâm Thao đã ban hành nhiều quyết định, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn để thực thi pháp luật về đất đai. Công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện đã đi vào nề nếp, ngày càng chặt chẽ hơn, quỹ đất đã được giao cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài.

3.2. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG CÁC LOẠI ĐẤT

3.2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2023 cho thấy, tổng diện tích tự nhiên huyện Lâm Thao là 9.835,41 ha. Số liệu chi tiết được thể hiện qua bảng dưới đây:

Bảng số 01: Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 huyện Lâm Thao

(Diện tích tính đến hết 31/12/2023)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	TỔNG DTTN (1+2+3)		9.835,41	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	6.074,50	61,76
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.521,85	35,81
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>3.140,28</i>	<i>31,93</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	570,62	5,80
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.107,59	11,26
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	236,66	2,41
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	587,30	5,97
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	50,48	0,51
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.738,65	38,01
2.1	Đất quốc phòng	CQP	19,60	0,20
2.2	Đất an ninh	CAN	22,50	0,23
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	66,50	0,68
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	13,62	0,14
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	122,39	1,24
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	2,99	0,03
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	73,01	0,74
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.301,91	13,24
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	14,02	0,14
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,91	0,01
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	566,82	5,76
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	118,80	1,21
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,44	0,12
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,08	0,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	8,55	0,09
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.311,72	13,34

Điều chỉnh QHSDD giai đoạn 2021-2030 huyện Lâm Thao

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện	Cơ cấu
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	80,25	0,82
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	3,55	0,04
3	Đất chưa sử dụng	CSD	22,26	0,23

(Nguồn: Thống kê đất đai năm 2023 của huyện Lâm Thao)

3.2.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong quy hoạch kỳ trước

Trong những năm qua tổng diện tích tự nhiên của huyện Lâm Thao không có sự biến động. Tổng diện tích tự nhiên của huyện là 9.835,41 ha. Trong giai đoạn 2020-2023, các loại đất trên địa bàn huyện Lâm Thao có sự biến động như sau:

Bảng số 02: Biến động diện tích đất giai đoạn 2020- 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2023	Hiện trạng sử dụng đất năm 2020	Biến động sử dụng đất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)
	TỔNG DTTN (1+2+3)		9.835,41	9.835,41	
1	Đất nông nghiệp	NNP	6.074,50	6.127,52	-53,02
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.521,85	3.551,24	-29,39
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>3.140,28</i>	<i>3.164,15</i>	<i>-23,87</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	570,62	572,45	-1,83
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.107,59	1.109,73	-2,14
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH			
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	236,66	245,65	-8,99
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>			
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	587,30	610,77	-23,47
1.8	Đất làm muối	LMU			
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	50,48	37,69	12,79
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.738,65	3.685,59	53,06
2.1	Đất quốc phòng	CQP	19,60	19,60	
2.2	Đất an ninh	CAN	22,50	22,50	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK			
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	66,50	61,61	4,89
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	13,62	10,79	2,83
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	122,39	121,61	0,78
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	2,99	2,99	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	73,01	73,01	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.301,91	1.282,034	19,87
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	14,02	14,02	
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,91	0,91	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	566,82	545,45	21,37
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	118,80	116,11	2,69
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,44	11,47	-0,03
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,08	0,08	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			

Điều chỉnh QHSDD giai đoạn 2021-2030 huyện Lâm Thao

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2023	Hiện trạng sử dụng đất năm 2020	Biến động sử dụng đất
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	8,55	8,09	0,46
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.311,72	1.311,72	
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	80,25	80,05	0,20
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	3,55	3,55	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	22,26	22,30	-0,04

(Nguồn: Số liệu thống kê đất đai qua các năm huyện Lâm Thao)

a. Biến động đất nông nghiệp:

Tổng diện tích đất nông nghiệp toàn huyện năm 2023 là 6.074,5ha, giảm 53,2 ha so với năm 2020 (6.127,52ha).

b. Biến động đất phi nông nghiệp

Tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện năm 2023 là 3.738,65ha, tăng 53,06 ha so với năm 2020 (3.685,59), cụ thể như sau:

c. Biến động đất chưa sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng của huyện Lâm Thao năm 2023 là 22,26 ha, thực giảm 0,04 ha so với năm 2020.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC

4.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

4.1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

Huyện Lâm Thao đã lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt tại Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Công tác quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước được triển khai thực hiện tốt. Cụ thể các loại đất như sau:

Bảng số 03: Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

TT	CHỈ TIÊU	MÃ	Diện tích QHSDD giai đoạn 2021 - 2030 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng, giảm (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích đất tự nhiên		9.835,41	9.835,41	0,00	100
1	Đất nông nghiệp	NNP	4.947,50	6.074,50	1.127,00	122,78
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.658,975	3.521,85	862,87	132,45
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.349,47</i>	<i>3.140,28</i>	<i>790,81</i>	<i>133,66</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	378,977	570,62	191,64	150,57

Điều chỉnh QHSDD giai đoạn 2021-2030 huyện Lâm Thao

TT	CHỈ TIÊU	MÃ	Diện tích QHSDD giai đoạn 2021 - 2030 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng, giảm (ha)	Tỷ lệ (%)
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.045,460	1.107,59	62,13	105,94
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH				
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	30,000		-30,00	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	129,620	236,66	107,04	182,58
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	645,047	587,30	-57,74	91,05
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	59,420	50,48	-8,94	84,96
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.865,69	3.738,65	-1.127,04	76,84
2.1	Đất quốc phòng	CQP	46,63	19,60	-27,03	42,03
2.2	Đất an ninh	CAN	31,66	22,50	-9,16	71,07
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	100,59	66,50	-34,10	66,10
2.5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	167,90	13,62	-154,28	8,11
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	219,46	122,39	-97,07	55,77
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	2,99	2,99		100,00
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	63,05	73,01	9,96	115,79
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.667,46	1.301,91	-365,55	78,08
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	15,69	14,02	-1,67	89,36
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	11,68	0,91	-10,77	7,79
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	903,75	566,82	-336,93	62,72
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	178,24	118,80	-59,44	66,65
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,36	11,44	-0,92	92,53
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,60	0,08	-0,52	13,33
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	12,03	8,55	-3,48	71,07
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.311,72	1.311,72	-	100,00
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	116,95	80,25	-36,70	68,62
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	2,93	3,55	0,62	121,16
3	Đất chưa sử dụng	CSD	22,22	22,26	0,04	100,20

(Nguồn: Thống kê đất đai năm 2023 huyện Lâm Thao; Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 31/08/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Tổng diện tích tự nhiên năm 2023 của huyện được UBND tỉnh phê duyệt là 9.835,41 ha, không biến động so với diện tích tự nhiên theo phương án quy hoạch được duyệt. Biến động các loại đất cụ thể như sau:

* **Đất nông nghiệp:** Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 4.947,5 ha, kết quả

Điều chỉnh QHSDD giai đoạn 2021-2030 huyện Lâm Thao

thực hiện được 6.074,5 ha, cao hơn 1.127 ha so với chỉ tiêu được duyệt. Nguyên nhân là do đất nông nghiệp trong kỳ quy hoạch chuyển sang đất phi nông nghiệp chưa đạt so với quy hoạch được duyệt.

* **Đất phi nông nghiệp:** Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 4.865,69ha, kết quả thực hiện được 3.738,65 ha, thấp hơn 1.127,04 ha so với chỉ tiêu được duyệt.

* **Đất chưa sử dụng:** Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 22,22 ha, kết quả thực hiện được 22,26 ha, cao hơn 0,04ha so với chỉ tiêu được duyệt.

4.1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023

Thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Lâm Thao được phê duyệt tại Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ và điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 19/05/2023; số 1853/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Đến nay, Ủy ban nhân dân huyện đã triển khai thực hiện và kết quả ước thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đạt được cụ thể như sau:

Bảng 04: Kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích KHSDD được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
			Tăng (+) Giảm (-) (ha)		Tỷ lệ (%)	
	Tổng diện tích tự nhiên		9.835,41	9.835,41	0,00	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	5.738,96	6.071,29	332,33	105,79
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.236,53	3.517,43	280,90	108,68
	<i>Trong đó: Đất chuyên lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.868,29</i>	<i>3.135,80</i>	<i>267,51</i>	<i>109,33</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	548,62	570,71	22,09	104,03
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.099,06	1.108,07	9,01200	100,82
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH				
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	224,43	236,66	12,23	105,45
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	580,30	587,87	7,57	101,30
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	50,01	50,54	0,53	101,06
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.074,33	3.741,83	-332,50	91,84
2.1	Đất quốc phòng	CQP	20,86	19,60	-1,26	93,96
2.2	Đất an ninh	CAN	28,91	22,50	-6,41	77,81
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	70,54	66,58	-3,96	94,38
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	28,26	14,13	-14,13	49,99
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	129,72	122,74	-6,98	94,62

Điều chỉnh QHSDD giai đoạn 2021-2030 huyện Lâm Thao

STT	Chi tiêu	Mã	Diện tích KHSDD được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+) Giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	2,99	2,99		100,00
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	71,53	72,83	1,30	101,82
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.439,41	1.304,34	-135,07	90,62
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	14,59	14,02	-0,57	96,07
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	2,38	0,91	-1,47	38,24
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	686,07	566,94	-119,13	82,64
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	150,37	118,68	-31,69	78,92
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,89	11,44	-0,45	96,18
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,08	0,08		100,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	8,55	8,55		100,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.311,72	1.311,72		100,00
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	92,94	80,25	-12,69	86,35
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	3,55	3,55		100,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	22,13	22,30	0,17	100,75

Cụ thể chỉ tiêu các loại đất trong kế hoạch được duyệt và kết quả thực hiện được có sự chênh lệch như sau:

+ **Đất nông nghiệp:** Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 được duyệt là 5.738,96 ha, kết quả thực hiện được 6.071,29 ha, cao hơn 332,33 ha, đạt 105,79% so với kế hoạch được duyệt.

***Đất phi nông nghiệp:** Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 được duyệt là 4.074,33 ha, kết quả thực hiện được 3.741,83 ha, thấp hơn 332,5 ha đạt 91,84% so với kế hoạch được duyệt.

* **Đất chưa sử dụng:** Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 được duyệt là 22,13 ha, kết quả thực hiện được 22,3 ha, cao hơn 0,17 ha, đạt 100,75% so với kế hoạch được duyệt.

4.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

4.2.1. Những mặt đạt được

Thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt, công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện ngày càng chặt chẽ và có hiệu quả thể hiện ở các mặt sau:

- Quy hoạch sử dụng đất đã trở thành cơ sở pháp lý cho việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

- Công tác công bố quy hoạch được UBND huyện thực hiện công khai đúng quy định, đến tận các điểm khu dân cư, qua đó giúp người dân nắm được thông tin về quy hoạch sử dụng đất.

- Chủ động dành quỹ đất để phát triển các ngành, lĩnh vực đáp ứng nhu cầu sử

dụng đất cho xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội; các cơ sở sản xuất kinh doanh và khu dân cư góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an ninh quốc phòng.

- Đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

4.2.2. Những tồn tại

Những tồn tại yếu kém trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước được thể hiện ở những mặt sau:

+ Việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước trên địa bàn huyện đã đạt được kết quả nhất định. Tuy nhiên bên cạnh đó có một số công trình vẫn chưa được thực hiện phần lớn là do nguồn vốn đầu tư còn hạn hẹp, chưa giải phóng được mặt bằng, phương án quy hoạch không có tính khả thi. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa đánh giá đúng khả năng phát triển thực tế tại địa phương nên trong quá trình thực hiện đã phát sinh hạng mục mới, một số hạng mục không thực hiện được.

+ Công tác dự báo nhu cầu sử dụng đất của các xã, thị trấn, ngành chưa phù hợp với thực tiễn của địa phương cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện.

+ Việc giao đất, cấp giấy chứng nhận QSD đất trên địa bàn huyện còn chậm do nguồn gốc đất đai còn phức tạp, các thửa đất chưa được cấp GCN còn có tranh chấp...

4.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ tới

Từ những kết quả đạt được và những tồn tại trong quá trình thực hiện quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021- 2030 có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho việc điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 của huyện Lâm Thao như sau:

- Quy hoạch sử dụng đất phải được lập và phê duyệt sát với thực tiễn trên cơ sở phân tích, dự báo có tính khoa học nhu cầu đầu tư các dự án đầu tư có sử dụng đất và sự biến động các loại đất do tác động của kinh tế thị trường.

- Cần phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành trong việc lập và phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch các ngành khác đảm bảo đồng bộ, thống nhất; nhu cầu sử dụng đất của các quy hoạch các ngành phải phù hợp với khả năng đáp ứng quỹ đất của quy hoạch sử dụng đất.

- Cần huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho việc lập và tổ chức thực hiện đầy đủ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để đảm bảo cho việc phát triển kinh tế – xã hội của huyện và đưa công tác quản lý, sử dụng đất đai vào nề nếp theo đúng quy định của pháp luật.

- Có chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phù hợp và đẩy mạnh công tác vận động tuyên truyền khi thực hiện dự án, bồi thường đất đai để người dân thuộc đối tượng thu hồi đất đồng tình để tạo điều kiện giải phóng mặt bằng.

PHẦN II

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

I. ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

- Phát triển kinh tế - xã hội của Lâm Thao phải phù hợp với định hướng chiến lược phát triển chung của vùng, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành, lĩnh vực của tỉnh Phú Thọ.

- Khai thác và sử dụng có hiệu quả tiềm năng, lợi thế về đất đai để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững; tiếp tục thực hiện khâu đột phá về “*đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng then chốt, trọng tâm là hạ tầng nông nghiệp, nông thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại, để phát triển nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm*”. Phân đầu đến năm 2030, Lâm Thao - huyện Nông thôn mới có nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa, theo hướng hiện đại.

1.2. Quan điểm sử dụng đất

- a. Quy hoạch sử dụng đất đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội
- b. Đảm bảo phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, bảo tồn sinh thái, thiên nhiên và các công trình văn hóa.
- c. Sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả

II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội

Thời kỳ 2021-2030: Khai thác và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế của huyện để Lâm Thao thực sự là địa phương thuộc vùng động lực kinh tế của tỉnh, có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững; ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; có mức sống cao hơn mức bình quân chung của tỉnh. Chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với chăm lo xây dựng và phát triển văn hóa, con người, giải quyết tốt các vấn đề xã hội; quản lý, bảo vệ tài nguyên, môi trường. Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng

2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ phương án phân bổ sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện và cấp xã

2.2.1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ từ phương án phân bổ sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh

Căn cứ Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2024 của

Điều chỉnh QHSDD giai đoạn 2021-2030 huyện Lâm Thao

UBND tỉnh Phú Thọ về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 cho các huyện, thành, thị đã phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cho huyện Lâm Thao đến năm 2030 như sau:

Bảng số 05: Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ của huyện Lâm Thao

STT	Mục đích sử dụng đất	Mã	Diện tích phân bổ (ha)	Cơ cấu
I	Loại đất		9.835	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	5.595	56,89
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.324	33,80
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.987</i>	<i>30,37</i>
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.023	10,40
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	66	0,67
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.221	42,92
2.1	Đất quốc phòng	CQP	50	0,51
2.2	Đất an ninh	CAN	31	0,32
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	112	1,14
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	48	0,49
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	150	1,53
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	3	0,03
2.8	Đất PTHT cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	1.561	15,87
-	Đất giao thông	DGT	879	8,94
-	Đất thủy lợi	DTL	393	4,00
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1	0,01
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6	0,06
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	67	0,68
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	20	0,20
-	Đất công trình năng lượng	DNL	8	0,08
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	5	0,05
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	1	0,01
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	18	0,18
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	88	0,89
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	50	0,51
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	9	0,09
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	711	7,23
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	138	1,40
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	13	0,13
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2	0,02
3	Đất chưa sử dụng	CSD	19	0,19
II	Khu chức năng			-
1	Đất đô thị	KDT	1.026	10,43

Điều chỉnh QHSDD giai đoạn 2021-2030 huyện Lâm Thao

STT	Mục đích sử dụng đất	Mã	Diện tích phân bổ (ha)	Cơ cấu
2	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN	2.987	30,37
3	Khu lâm nghiệp	KLN	66	0,67
4	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT	-	-
5	Khu phát triển công nghiệp	KPC	112	1,14
6	Khu thương mại - dịch vụ	KTM	48	0,49
7	Khu dân cư nông thôn	DNT	1.957	19,90

2.2.1.2. Chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện và cấp xã

Bảng số 06: Chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện và cấp xã

T	Đơn vị hành chính	Tổng diện tích các loại đất	Chia theo các loại đất					
			Đất nông nghiệp		Đất phi nông nghiệp		Đất chưa sử dụng	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
I	Cấp huyện	9.835,41	4.807,37	48,88	5.005,96	50,90	22,08	0,22
II	Cấp xã							
1	TT Hùng Sơn	470,06	249,56	53,09	220,09	46,82	0,41	0,09
2	TT Lâm Thao	556,40	150,36	27,02	406,04	72,98		
3	Xã Bán Nguyên	757,45	325,45	42,97	432,00	57,03		
4	Xã Cao Xá	1035,47	482,78	46,62	552,57	53,37	0,11	0,01
5	Xã Phùng Nguyên	1521,71	739,59	48,60	781,90	51,39	0,21	0,01
6	Xã Sơn Vi	709,60	385,31	54,30	324,27	45,70	0,01	0
7	Xã Thạch Sơn	519,07	176,07	33,92	343,00	66,08		
8	Xã Tiên Kiên	1089,15	664,67	61,03	424,29	38,95	0,19	0,02
9	Xã Tứ Xã	824,98	520,08	63,04	304,14	36,87	0,76	0,09
10	Xã Vĩnh Lại	1037,42	528,29	50,92	509,02	49,07	0,11	0,01
11	Xã Xuân Huy	624,13	183,87	29,46	419,98	67,29	20,27	3,25
12	Xã Xuân Lũng	689,98	401,34	58,17	288,64	41,83		

2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

a. Nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp:

Trên cơ sở kết quả rà soát quy hoạch sử dụng đất đến năm 2023 và kết quả rà soát, đăng ký nhu cầu sử dụng đất của từng ngành, lĩnh vực, xã, thị trấn có sử dụng vào đất nông nghiệp, dự báo chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp đến năm 2030 như sau:

Diện tích đất nông nghiệp của huyện Lâm Thao quy hoạch đến năm 2030 là 4.807,37 ha, giảm 1.267,13 ha so với năm 2023.

*** Đất trồng lúa**

Nhu cầu sử dụng đất trồng lúa của huyện đến năm 2030 dự kiến là 2549,04 ha thực giảm 972,81 ha so với năm 2023, do chuyển sang các loại đất phi nông nghiệp và các loại đất nông nghiệp khác.

*** Đất trồng cây hàng năm khác**

Nhu cầu sử dụng đất trồng cây hàng năm khác của huyện đến năm 2030 dự kiến là 373,54 ha thực giảm 197,08 ha so với năm 2023.

**** Đất trồng cây lâu năm***

Nhu cầu sử dụng đất trồng cây lâu năm của huyện đến năm 2030 dự kiến là 1053,64 ha thực giảm 53,95 ha so với năm 2023, giảm do chuyển sang mục đích đất phi nông nghiệp.

**** Đất rừng đặc dụng***

Nhu cầu sử dụng đất rừng đặc dụng của huyện đến năm 2030 dự kiến là 30 ha thực tăng 30 ha so với năm 2023. Do đất trồng cây hàng năm khác và đất rừng sản xuất chuyển sang.

**** Đất rừng sản xuất***

Nhu cầu sử dụng đất rừng sản xuất của huyện đến năm 2030 dự kiến là 133,75 ha thực giảm 102,91 ha so với năm 2023. Do chuyển sang mục đích đất phi nông nghiệp và đất nông nghiệp.

**** Đất nuôi trồng thủy sản***

Nhu cầu sử dụng đất nuôi trồng thủy sản của huyện đến năm 2030 dự kiến là 579,01 ha thực giảm 8,29 ha so với năm 2023.

**** Đất nông nghiệp khác***

Nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp khác của huyện đến năm 2030 dự kiến là 88,39 ha thực tăng 37,91 ha so với năm 2023.

b. Nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp:

Căn cứ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch của các ngành đã được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt; căn cứ nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và nhu cầu sử dụng đất của các xã, thị trấn. Huyện Lâm Thao xác định nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp đến năm 2030 là 5.005,96ha.

**** Đất quốc phòng***

Nhu cầu sử dụng đất quốc phòng của huyện đến năm 2030 dự kiến là 48,41 ha thực tăng 28,81 ha so với năm 2023.

**** Đất an ninh***

Nhu cầu sử dụng đất an ninh của huyện đến năm 2030 dự kiến là 30,3 ha thực tăng 7,8 ha so với năm 2023.

**** Đất cụm công nghiệp***

Nhu cầu sử dụng đất cụm công nghiệp của huyện đến năm 2030 dự kiến là 107,82 ha thực tăng 41,32 ha so với năm 2023, để quy hoạch công trình: Cụm công nghiệp Hợp Hải - Kinh Kệ; Cụm công nghiệp Bắc Lâm Thao; Khu làng nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ Sơn Vi.

**** Đất thương mại dịch vụ***

Nhu cầu sử dụng đất thương mại, dịch vụ của huyện đến năm 2030 dự kiến là 145,59 ha thực tăng 131,97 ha so với năm 2023.

**** Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp***

Nhu cầu sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của huyện đến năm 2030 dự kiến là 217,73 ha thực tăng 95,34 ha so với năm 2023.

**** Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản***

Nhu cầu sử dụng đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản của huyện đến năm 2030 dự kiến là 21,99 ha thực tăng 19 ha so với năm 2023.

**** Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm***

Nhu cầu sử dụng đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm của huyện đến năm 2030 dự kiến là 51,68 ha thực giảm 21,33 ha so với năm 2023.

**** Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã***

Nhu cầu sử dụng đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã của huyện đến năm 2030 dự kiến là 1.778,72 ha thực tăng 476,82 ha so với năm 2023.

**** Đất sinh hoạt cộng đồng***

Nhu cầu sử dụng đất sinh hoạt cộng đồng của huyện đến năm 2030 dự kiến là 17,5 ha thực tăng 3,48 ha so với năm 2023.

**** Đất khu vui chơi giải trí, công cộng***

Nhu cầu sử dụng đất khu vui chơi, giải trí công cộng của huyện đến năm 2030 dự kiến là 4,78 ha thực tăng 3,87 ha so với năm 2023.

**** Đất ở tại nông thôn***

Nhu cầu sử dụng đất ở tại nông thôn của huyện đến năm 2030 dự kiến là 976,93 ha thực tăng 410,11 ha so với năm 2023.

**** Đất ở tại đô thị***

Nhu cầu sử dụng đất ở tại đô thị của huyện đến năm 2030 dự kiến là 172,59 ha thực tăng 53,79 ha so với năm 2023.

**** Đất xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước***

Nhu cầu sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan của huyện đến năm 2030 dự kiến là 12,93 ha thực tăng 1,49 ha so với năm 2023.

**** Đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp***

Nhu cầu sử dụng đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp của huyện đến năm 2030 dự kiến là 0,6 ha thực tăng 0,52 ha so với năm 2023.

**** Đất cơ sở tín ngưỡng***

Nhu cầu sử dụng đất cơ sở tín ngưỡng của huyện đến năm 2030 dự kiến là 14,94 ha thực tăng 6,39 ha so với năm 2023.

**** Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối***

Nhu cầu sử dụng đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối của huyện đến năm 2030 dự kiến là 1301 ha thực giảm 10,72 ha so với năm 2023. Do chuyển sang các mục đích đất phi nông nghiệp khác.

*** Đất có mặt nước chuyên dùng**

Nhu cầu sử dụng đất có mặt nước chuyên dùng của huyện đến năm 2030 dự kiến là 99,52 ha thực tăng 19,27 ha so với năm 2023.

*** Đất phi nông nghiệp khác**

Nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp khác của huyện đến năm 2030 dự kiến là 2,93 ha thực giảm 0,62 ha so với năm 2023.

c. Khai thác đất chưa sử dụng:

Sau khi đầu tư khai thác đưa vào sử dụng cho các mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp, Nhu cầu sử dụng đất chưa sử dụng của huyện đến năm 2030 dự kiến là 22,08 ha thực giảm 0,18 ha so với năm 2023 do chuyển sang đất phi nông nghiệp.

2.2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, các xã, thị trấn; kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước và hiện trạng quỹ đất của huyện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Lâm Thao được cân đối như sau:

Bảng số 07: Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2023		QHSDD đến năm 2030		Biến động diện tích 2030/2023 (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		9.835,41	100,00	9.835,41	100,00	0,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	6.074,50	61,76	4.807,37	48,88	-1.267,13
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.521,85	35,81	2.549,04	25,92	-972,81
	<i>Trong đó: Đất chuyên lúa nước</i>	LUC	3.140,28	31,93	2.225,33	22,63	-914,95
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	570,62	5,80	373,54	3,80	-197,08
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.107,59	11,26	1.053,64	10,71	-53,95
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	0,00	0,00	30,00	0,31	30,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	236,66	2,41	133,75	1,36	-102,91
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	587,30	5,97	579,01	5,89	-8,29
1.8	Đất làm muối	LMU					
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	50,48	0,51	88,39	0,90	37,91
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.738,65	38,01	5005,96	50,90	1.267,31
2.1	Đất quốc phòng	CQP	19,60	0,20	48,41	0,49	28,81
2.2	Đất an ninh	CAN	22,50	0,23	30,30	0,31	7,80

Điều chỉnh QHSDD giai đoạn 2021-2030 huyện Lâm Thao

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2023		QHSDD đến năm 2030		Biến động diện tích 2030/2023 (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	66,50	0,68	107,82	1,10	41,32
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	13,62	0,14	145,59	1,48	131,97
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	122,39	1,24	217,73	2,21	95,34
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	2,99	0,03	21,99	0,22	19,00
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	73,01	0,74	51,68	0,53	-21,33
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.301,91	13,24	1778,72	18,08	476,82
-	Đất giao thông	DGT	751,78	7,64	997,96	10,15	246,18
-	Đất thủy lợi	DTL	359,70	3,66	444,35	4,52	84,65
-	Đất cơ sở văn hóa	DVH	1,01	0,01	1,06	0,01	0,05
-	Đất cơ sở y tế	DYT	3,30	0,03	4,01	0,04	0,71
-	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	50,65	0,51	64,07	0,65	13,42
-	Đất cơ sở thể dục thể thao	DTT	16,80	0,17	33,48	0,34	16,68
-	Đất công trình năng lượng	DNL	1,53	0,02	4,09	0,04	2,56
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,62	0,01	0,71	0,01	0,09
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG					
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	8,97	0,09	30,17	0,31	21,20
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,36	0,01	9,43	0,10	8,07
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	15,73	0,16	17,46	0,18	1,73
-	Đất làm nghĩa trang nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	76,39	0,78	125,65	1,28	49,27
-	Đất cơ sở khoa học và công nghệ	DKH					
-	Đất cơ sở dịch vụ xã hội	DXH					
-	Đất chợ	DCH	6,68	0,07	12,20	0,12	5,52
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL					
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	14,02	0,14	17,50	0,18	3,48
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,91	0,01	4,78	0,05	3,87
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	566,82	5,76	976,93	9,93	410,11
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	118,80	1,21	172,59	1,75	53,79
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,44	0,12	12,93	0,13	1,49
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,08	0,00	0,60	0,01	0,52
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	8,55	0,09	14,94	0,15	6,39
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.311,72	13,34	1301,00	13,23	-10,72
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	80,25	0,82	99,52	1,01	19,27
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	3,55	0,04	2,93	0,03	-0,62
3	Đất chưa sử dụng	CSD	22,26	0,23	22,08	0,22	-0,18

2.2.3.1. Đất nông nghiệp

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất nông nghiệp của huyện Lâm Thao dự kiến là 4.807,37 ha chiếm 48,88% diện tích tự

nhiên, thực giảm 1267,13 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

Chi tiết các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp như sau:

1). Đất trồng lúa

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất trồng lúa của huyện Lâm Thao dự kiến là 2549,04 ha chiếm 25,92 % diện tích tự nhiên, thực giảm 972,81 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chuyển giảm: 972,81 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất trồng cây hàng năm khác: 10 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 90,08 ha
- Đất nông nghiệp khác: 24,58 ha
- Đất quốc phòng: 1 ha
- Đất an ninh: 4,09 ha
- Đất cụm công nghiệp: 31,82 ha
- Đất thương mại, dịch vụ: 78,88 ha
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 52,6 ha
- Đất giao thông: 154,44 ha
- Đất thủy lợi: 45,53 ha
- Đất cơ sở y tế: 0,14 ha
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 10,64 ha
- Đất cơ sở thể dục thể thao: 14,91 ha
- Đất công trình năng lượng: 0,66 ha
- Đất công trình bưu chính, viễn thông: 0,04 ha
- Đất có di tích lịch sử - văn hóa: 15,82 ha
- Đất bãi thải, xử lý chất thải: 2,03 ha
- Đất cơ sở tôn giáo: 0,33 ha
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 26,77 ha
- Đất chợ: 5,8 ha
- Đất sinh hoạt cộng đồng: 2,62 ha
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 2,53 ha
- Đất ở tại nông thôn: 309,41 ha
- Đất ở tại đô thị: 42,45 ha
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 2,33 ha
- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 0,52 ha

- Đất cơ sở tín ngưỡng: 3,06 ha
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 13,75 ha

2). Đất trồng cây hàng năm khác

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất trồng cây hàng năm khác của huyện Lâm Thao dự kiến là 373,54 ha chiếm 3,8 % diện tích tự nhiên, thực giảm 197,08 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Chu chuyển tăng: 10 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 10 ha
- * Chu chuyển giảm: 207,08 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất rừng đặc dụng: 10,6 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 0,1 ha
 - Đất nông nghiệp khác: 8,3 ha
 - Đất quốc phòng: 1,29 ha
 - Đất cụm công nghiệp: 1 ha
 - Đất thương mại, dịch vụ: 26,12 ha
 - Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 3,64 ha
 - Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 9 ha
 - Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 2,5 ha
 - Đất giao thông: 47,72 ha
 - Đất thủy lợi: 28,71 ha
 - Đất cơ sở y tế: 0,06 ha
 - Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,96 ha
 - Đất cơ sở thể dục thể thao: 0,99 ha
 - Đất công trình năng lượng: 1,5 ha
 - Đất có di tích lịch sử - văn hóa: 2,81 ha
 - Đất bãi thải, xử lý chất thải: 1,94 ha
 - Đất cơ sở tôn giáo: 0,3 ha
 - Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 16,23 ha
 - Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,3 ha
 - Đất ở tại nông thôn: 30,2 ha
 - Đất ở tại đô thị: 3,78 ha
 - Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,1 ha

- Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,32 ha
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 8,06 ha

3). Đất trồng cây lâu năm

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất trồng cây lâu năm của huyện Lâm Thao dự kiến là 1.053,64 ha chiếm 10,71% diện tích tự nhiên, thực giảm 53,95 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chu chuyển giảm: 53,95 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất thương mại, dịch vụ: 2,01 ha
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 2 ha
- Đất giao thông: 31,55 ha
- Đất thủy lợi: 15 ha
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,16 ha
- Đất cơ sở thể dục thể thao: 0,03 ha
- Đất công trình năng lượng: 0,59 ha
- Đất có di tích lịch sử - văn hóa: 1 ha
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,4 ha
- Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,12 ha
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,1 ha
- Đất ở tại nông thôn: 0,77 ha
- Đất ở tại đô thị: 0,06 ha
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,05 ha
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,04 ha

4). Đất rừng đặc dụng

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất rừng đặc dụng của huyện Lâm Thao dự kiến là 30 ha chiếm 0,31 % diện tích tự nhiên, thực tăng 30 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chu chuyển tăng: 30 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng cây hàng năm khác: 10,6 ha
- Đất rừng sản xuất: 19,4 ha

5). Đất rừng sản xuất

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất rừng sản xuất của huyện Lâm Thao dự kiến là 133,75 ha chiếm 1,36 % diện tích tự nhiên, thực giảm 102,91 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chu chuyển giảm: 102,91 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất rừng đặc dụng: 19,4 ha
- Đất nông nghiệp khác: 5,5 ha
- Đất quốc phòng: 25,92 ha
- Đất an ninh: 3,5 ha
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 17,49 ha
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 8 ha
- Đất giao thông: 7,1 ha
- Đất thủy lợi: 4,3 ha
- Đất bãi thải, xử lý chất thải: 0,1 ha
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 4,5 ha
- Đất ở tại nông thôn: 6,65 ha
- Đất ở tại đô thị: 0,35 ha
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,1 ha

6). Đất nuôi trồng thủy sản

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất nuôi trồng thủy sản của huyện Lâm Thao dự kiến là 579,01 ha chiếm 5,89 % diện tích tự nhiên, thực giảm 8,29 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chu chuyển tăng: 90,18 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 90,08 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác: 0,1 ha

* Chu chuyển giảm: 98,47 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất nông nghiệp khác: 12,43 ha
- Đất thương mại, dịch vụ: 12,73 ha
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 2 ha
- Đất giao thông: 12,79 ha
- Đất thủy lợi: 1,63 ha
- Đất cơ sở y tế: 0,51 ha
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 1,36 ha
- Đất cơ sở thể dục thể thao: 1,39 ha
- Đất có di tích lịch sử - văn hóa: 1,57 ha
- Đất bãi thải, xử lý chất thải: 3,6 ha
- Đất cơ sở tôn giáo: 0,5 ha

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,16 ha
- Đất chợ: 0,7 ha
- Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,69 ha
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 1 ha
- Đất ở tại nông thôn: 40,77 ha
- Đất ở tại đô thị: 3,18 ha
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,22 ha
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 1,01 ha
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,15 ha

6). Đất nông nghiệp khác

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất nông nghiệp khác của huyện Lâm Thao dự kiến là 88,39 ha chiếm 0,9 % diện tích tự nhiên, thực tăng 37,91 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chu chuyển tăng: 50,81 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 24,58 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác: 8,3 ha
- Đất rừng sản xuất: 5,5 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 12,43 ha

* Chu chuyển giảm: 12,9 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất thương mại, dịch vụ: 0,7 ha
- Đất giao thông: 3,66 ha
- Đất thủy lợi: 1,22 ha
- Đất ở tại nông thôn: 7,32 ha

2.2.3.2. Đất phi nông nghiệp

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất phi nông nghiệp của huyện Lâm Thao dự kiến là 5005,96 ha chiếm 50,9 % diện tích tự nhiên, thực tăng 1267,31 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

Chi tiết các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp như sau:

1). Đất quốc phòng

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất quốc phòng của huyện Lâm Thao dự kiến là 48,41 ha chiếm 0,49 % diện tích tự nhiên, thực tăng 28,81 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chu chuyển tăng: 28,81 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 1 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác: 1,29 ha
- Đất rừng sản xuất: 25,92 ha
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,6 ha

2). Đất an ninh

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất an ninh của huyện Lâm Thao dự kiến là 30,3 ha chiếm 0,31 % diện tích tự nhiên, thực tăng 7,8 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chu chuyển tăng: 7,8 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 4,09 ha
- Đất rừng sản xuất: 3,5 ha
- Đất giao thông: 0,05 ha
- Đất thủy lợi: 0,16 ha

3). Đất cụm công nghiệp

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất cụm công nghiệp của huyện Lâm Thao dự kiến là 107,82 ha chiếm 1,1 % diện tích tự nhiên, thực tăng 41,32 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chu chuyển tăng: 41,32 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 31,82 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác: 1 ha
- Đất giao thông: 0,5 ha
- Đất thủy lợi: 0,5 ha

4). Đất thương mại dịch vụ

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất thương mại, dịch vụ của huyện Lâm Thao dự kiến là 145,59 ha chiếm 1,48 % diện tích tự nhiên, thực tăng 131,97 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chu chuyển tăng: 133,95 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 78,88 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác: 26,12 ha
- Đất trồng cây lâu năm: 2,01 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 12,73 ha
- Đất nông nghiệp khác: 0,7 ha
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,2 ha

- Đất giao thông: 3,62 ha
- Đất thủy lợi: 2,05 ha
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,05 ha
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,49 ha
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 1,1 ha
- * Chu chuyển giảm: 1,98 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất ở tại nông thôn: 1,98 ha

5). Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của huyện Lâm Thao dự kiến là 217,73 ha chiếm 2,21 % diện tích tự nhiên, thực tăng 95,34 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Chu chuyển tăng: 95,8 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 52,6 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 3,64 ha
 - Đất rừng sản xuất: 17,49 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 2 ha
 - Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 20,07 ha
- * Chu chuyển giảm: 0,46 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất thương mại, dịch vụ: 0,2 ha
 - Đất ở tại nông thôn: 0,26 ha

6). Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản của huyện Lâm Thao dự kiến là 21,99 ha chiếm 0,22 % diện tích tự nhiên, thực tăng 19 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Chu chuyển tăng: 19 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 9 ha
 - Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 10 ha

7). Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm của huyện Lâm Thao dự kiến là 51,68 ha chiếm 0,53 % diện tích tự nhiên, thực giảm 21,33 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Chu chuyển tăng: 12,5 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng cây hàng năm khác: 2,5 ha
- Đất trồng cây lâu năm: 2 ha
- Đất rừng sản xuất: 8 ha
- * Chu chuyển giảm: 33,83 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất cụm công nghiệp: 7,5 ha
 - Đất thương mại, dịch vụ: 6 ha
 - Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 20,07 ha
 - Đất ở tại nông thôn: 0,26 ha

8). Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã của huyện Lâm Thao dự kiến là 1778,72 ha chiếm 18,08 % diện tích tự nhiên, thực tăng 476,82 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

a) Đất giao thông

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất giao thông của huyện Lâm Thao dự kiến là 997,96 ha chiếm 10,15 % diện tích tự nhiên, thực tăng 246,18 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Chu chuyển tăng: 260,97 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 154,44 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 47,72 ha
 - Đất trồng cây lâu năm: 31,55 ha
 - Đất rừng sản xuất: 7,1 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 12,79 ha
 - Đất nông nghiệp khác: 3,66 ha
 - Đất thủy lợi: 2,41 ha
 - Đất cơ sở thể dục thể thao: 0,01 ha
 - Đất công trình năng lượng: 0,01 ha
 - Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,4 ha
 - Đất ở tại nông thôn: 0,56 ha
 - Đất ở tại đô thị: 0,2 ha
 - Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,03 ha
 - Đất chưa sử dụng: 0,09 ha
- * Chu chuyển giảm: 14,79 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất an ninh: 0,05 ha

- Đất cụm công nghiệp: 0,5 ha
- Đất thương mại, dịch vụ: 3,62 ha
- Đất thủy lợi: 0,1 ha
- Đất cơ sở văn hóa: 0,02 ha
- Đất công trình năng lượng: 0,06 ha
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 1,22 ha
- Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,22 ha
- Đất ở tại nông thôn: 6,73 ha
- Đất ở tại đô thị: 2,27 ha

b. Đất thủy lợi

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất thủy lợi của huyện Lâm Thao dự kiến là 444,35 ha chiếm 4,52% diện tích tự nhiên, thực tăng 84,65 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chu chuyển tăng: 96,89 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 45,53 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác: 28,71 ha
- Đất trồng cây lâu năm: 15 ha
- Đất rừng sản xuất: 4,3 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 1,63 ha
- Đất nông nghiệp khác: 1,22 ha
- Đất giao thông: 0,1 ha
- Đất ở tại nông thôn: 0,4 ha

* Chu chuyển giảm: 12,24 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất an ninh: 0,16 ha
- Đất cụm công nghiệp: 0,5 ha
- Đất thương mại, dịch vụ: 2,05 ha
- Đất giao thông: 2,41 ha
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,1 ha
- Đất cơ sở thể dục thể thao: 0,04 ha
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,34 ha
- Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,08 ha
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,21 ha
- Đất ở tại nông thôn: 4,55 ha

- Đất ở tại đô thị: 1,8 ha

c) Đất cơ sở văn hóa

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất cơ sở văn hóa của huyện Lâm Thao dự kiến là 1,06 ha chiếm 0,01% diện tích tự nhiên, thực tăng 0,05 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chu chuyển tăng: 0,05 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất giao thông: 0,02 ha

- Đất cơ sở thể dục thể thao: 0,03 ha

d) Đất xây dựng cơ sở y tế

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất cơ sở y tế của huyện Lâm Thao dự kiến là 4,01 ha chiếm 0,04 % diện tích tự nhiên, thực tăng 0,71 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chu chuyển tăng: 0,71 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 0,14 ha

- Đất trồng cây hàng năm khác: 0,06 ha

- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,51 ha

e) Đất cơ sở giáo dục và đào tạo

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất cơ sở giáo dục và đào tạo của huyện Lâm Thao dự kiến là 64,07 ha chiếm 0,65 % diện tích tự nhiên, thực tăng 13,42 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chu chuyển tăng: 14,74 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 10,64 ha

- Đất trồng cây hàng năm khác: 0,96 ha

- Đất trồng cây lâu năm: 0,16 ha

- Đất nuôi trồng thủy sản: 1,36 ha

- Đất thủy lợi: 0,1 ha

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 0,72 ha

* Chu chuyển giảm: 1,32 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất thương mại, dịch vụ: 0,05 ha

- Đất cơ sở tôn giáo: 0,06 ha

- Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,74 ha

- Đất ở tại nông thôn: 0,3 ha

f) Đất cơ sở thể dục thể thao

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất cơ sở thể dục thể thao của huyện Lâm Thao dự kiến là 33,48 ha chiếm 0,34 % diện tích tự nhiên, thực tăng 16,68 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chu chuyển tăng: 17,52 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 14,91 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác: 0,99 ha
- Đất trồng cây lâu năm: 0,03 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 1,39 ha
- Đất thủy lợi: 0,04 ha
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,17 ha

* Chu chuyển giảm: 0,84 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất giao thông: 0,01 ha
- Đất cơ sở văn hóa: 0,03 ha
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,8 ha

g) Đất xây dựng công trình năng lượng

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất công trình năng lượng của huyện Lâm Thao dự kiến là 4,09 ha chiếm 0,04 % diện tích tự nhiên, thực tăng 2,56 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chu chuyển tăng: 2,81 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 0,66 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác: 1,5 ha
- Đất trồng cây lâu năm: 0,59 ha
- Đất giao thông: 0,06 ha

* Chu chuyển giảm: 0,25 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất giao thông: 0,01 ha
- Đất ở tại nông thôn: 0,24 ha

h) Đất công trình bưu chính, viễn thông

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa của huyện Lâm Thao dự kiến là 30,17 ha chiếm 0,31 % diện tích tự nhiên, thực tăng 21,2 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chu chuyển tăng: 21,2 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 15,82 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác: 2,81 ha

- Đất trồng cây lâu năm: 1 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 1,57 ha

j) Đất có di tích lịch sử - văn hóa

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa của huyện Lâm Thao dự kiến là 30,17 ha chiếm 0,31 % diện tích tự nhiên, thực tăng 21,2 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chu chuyển tăng: 21,2 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 15,82 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác: 2,81 ha
- Đất trồng cây lâu năm: 1 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 1,57 ha

k) Đất bãi thải, xử lý chất thải

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải của huyện Lâm Thao dự kiến là 9,43 ha chiếm 0,1 % diện tích tự nhiên, thực tăng 8,07 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chu chuyển tăng: 8,07 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 2,03 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác: 1,94 ha
- Đất rừng sản xuất: 0,1 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 3,6 ha
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,4 ha

l). Đất cơ sở tôn giáo

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất cơ sở tôn giáo của huyện Lâm Thao dự kiến là 17,46 ha chiếm 0,18 % diện tích tự nhiên, thực tăng 1,73 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chu chuyển tăng: 1,73 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 0,33 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác: 0,3 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,5 ha
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,06 ha
- Đất chợ: 0,1 ha
- Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,07 ha
- Đất ở tại nông thôn: 0,37 ha

m) Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng của huyện Lâm Thao dự kiến là 125,65 ha chiếm 1,28 % diện tích tự nhiên, thực tăng 49,27 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chu chuyển tăng: 49,67 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 26,77 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác: 16,23 ha
- Đất trồng cây lâu năm: 0,4 ha
- Đất rừng sản xuất: 4,5 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,16 ha
- Đất giao thông: 1,22 ha
- Đất thủy lợi: 0,34 ha
- Đất ở tại nông thôn: 0,01 ha
- Đất chưa sử dụng: 0,04 ha

* Chu chuyển giảm: 0,4 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất giao thông: 0,4 ha

n) Đất chợ

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất chợ của huyện Lâm Thao dự kiến là 12,2 ha chiếm 0,12 % diện tích tự nhiên, thực tăng 5,52 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chu chuyển tăng: 7,12 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 5,8 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,7 ha
- Đất phi nông nghiệp khác: 0,62 ha

* Chu chuyển giảm: 1,6 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất cơ sở tôn giáo: 0,1 ha
- Đất ở tại nông thôn: 0,22 ha
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 1,28 ha

9) Đất sinh hoạt cộng đồng

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất sinh hoạt cộng đồng của huyện Lâm Thao dự kiến là 17,5 ha chiếm 0,18 % diện tích tự nhiên, thực tăng 3,48 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chu chuyển tăng: 4,77 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 2,62 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác: 0,3 ha
- Đất trồng cây lâu năm: 0,12 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,69 ha
- Đất giao thông: 0,22 ha
- Đất thủy lợi: 0,08 ha
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,74 ha
- * Chuyển giảm: 1,29 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất công trình bưu chính, viễn thông: 0,05 ha
 - Đất cơ sở tôn giáo: 0,07 ha
 - Đất ở tại nông thôn: 0,75 ha
 - Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,42 ha

10) Đất khu vui chơi, giải trí công cộng

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng của huyện Lâm Thao dự kiến là 4,78 ha chiếm 0,05 % diện tích tự nhiên, thực tăng 3,87 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Chuyển tăng: 3,87 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 2,53 ha
 - Đất trồng cây lâu năm: 0,1 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 1 ha
 - Đất thủy lợi: 0,21 ha
 - Đất ở tại đô thị: 0,03 ha

11) Đất ở tại nông thôn

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất ở tại nông thôn của huyện Lâm Thao dự kiến là 976,93 ha chiếm 9,93 % diện tích tự nhiên, thực tăng 410,11 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Chuyển tăng: 411,6 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 309,41 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 30,2 ha
 - Đất trồng cây lâu năm: 0,77 ha
 - Đất rừng sản xuất: 6,65 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 40,77 ha

- Đất nông nghiệp khác: 7,32 ha
- Đất thương mại, dịch vụ: 1,98 ha
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,26 ha
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 0,26 ha
- Đất giao thông: 6,73 ha
- Đất thủy lợi: 4,55 ha
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,3 ha
- Đất công trình năng lượng: 0,24 ha
- Đất chợ: 0,22 ha
- Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,75 ha
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,51 ha
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,63 ha
- Đất chưa sử dụng: 0,05 ha
- * Chu chuyển giảm: 1,49 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất giao thông: 0,56 ha
 - Đất thủy lợi: 0,4 ha
 - Đất cơ sở tôn giáo: 0,37 ha
 - Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,01 ha
 - Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,15 ha

12) Đất ở tại đô thị

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất ở tại đô thị của huyện Lâm Thao dự kiến là 172,59 ha chiếm 1,75 % diện tích tự nhiên, thực tăng 53,79 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Chu chuyển tăng: 54,02 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 42,45 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 3,78 ha
 - Đất trồng cây lâu năm: 0,06 ha
 - Đất rừng sản xuất: 0,35 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 3,18 ha
 - Đất giao thông: 2,27 ha
 - Đất thủy lợi: 1,8 ha
 - Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,13 ha
- * Chu chuyển giảm: 0,23 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất giao thông: 0,2 ha
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,03 ha

13) Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan của huyện Lâm Thao dự kiến là 12,93 ha chiếm 0,13 % diện tích tự nhiên, thực tăng 1,49 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chu chuyển tăng: 2,65 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 2,33 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác: 0,1 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,22 ha

* Chu chuyển giảm: 1,16 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất thương mại, dịch vụ: 0,49 ha
- Đất giao thông: 0,03 ha
- Đất ở tại nông thôn: 0,51 ha
- Đất ở tại đô thị: 0,13 ha.

14) Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp của huyện Lâm Thao dự kiến là 0,6 ha chiếm 0,01 % diện tích tự nhiên, thực tăng 0,52 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chu chuyển tăng: 0,52 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 0,52 ha

15) Đất cơ sở tín ngưỡng

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất cơ sở tín ngưỡng của huyện Lâm Thao dự kiến là 14,94 ha chiếm 0,15 % diện tích tự nhiên, thực tăng 6,39 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chu chuyển tăng: 6,39 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 3,06 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác: 0,32 ha
- Đất trồng cây lâu năm: 0,05 ha
- Đất rừng sản xuất: 0,1 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 1,01 ha
- Đất chợ: 1,28 ha

- Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,42 ha

- Đất ở tại nông thôn: 0,15 ha

16) Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối của huyện Lâm Thao dự kiến là 1.301 ha chiếm 13,23 % diện tích tự nhiên, thực giảm 10,72 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chu chuyển giảm: 10,72 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 10 ha

- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,72 ha

17) Đất có mặt nước chuyên dùng

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng của huyện Lâm Thao dự kiến là 99,52 ha chiếm 1,01 % diện tích tự nhiên, thực tăng 19,27 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chu chuyển tăng: 22 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 13,75 ha

- Đất trồng cây hàng năm khác: 8,06 ha

- Đất trồng cây lâu năm: 0,04 ha

- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,15 ha

* Chu chuyển giảm: 2,73 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất quốc phòng: 0,6 ha

- Đất thương mại, dịch vụ: 1,1 ha

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: 0,4 ha

- Đất ở tại nông thôn: 0,63 ha

18) Đất phi nông nghiệp khác

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất phi nông nghiệp khác của huyện Lâm Thao dự kiến là 2,93 ha chiếm 0,03 % diện tích tự nhiên, thực giảm 0,62 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chu chuyển giảm: 0,62 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất chợ: 0,62 ha

2.2.3.3. Đất chưa sử dụng

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất chưa sử dụng của huyện Lâm Thao dự kiến là 22,08 ha chiếm 0,22 % diện tích tự nhiên, thực giảm 0,18 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Chuyển giảm: 0,18 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất giao thông: 0,09 ha
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,04 ha
- Đất ở tại nông thôn: 0,05 ha

2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng

2.3.1. Đất đô thị

Dự kiến quỹ đất cho mục đích này quy hoạch đến năm 2030 là 1.026,46 ha, chiếm 10,44% tổng diện tích tự nhiên, bao gồm toàn bộ ranh giới thị trấn Hùng Sơn và thị trấn Lâm Thao.

2.3.2. Khu sản xuất nông nghiệp (khu chuyên trồng lúa nước; khu trồng cây lâu năm)

Dự kiến quỹ đất cho mục đích này quy hoạch đến năm 2030 là 2.752,15 ha, chiếm 22,63% tổng diện tích tự nhiên, bao gồm khu vực chuyên trồng lúa nước; tập trung chủ yếu trên địa bàn các xã Phùng Nguyên, Tứ Xã, Vĩnh Lại.

2.3.3. Khu lâm nghiệp

Dự kiến quỹ đất cho mục đích này quy hoạch đến năm 2030 là 163,75 ha, chiếm 1,66% tổng diện tích tự nhiên, bao gồm toàn bộ là diện tích đất rừng sản xuất tập trung trên địa bàn thị trấn Hùng Sơn, xã Tiên Kiên và xã Xuân Lũng và 30,00 ha rừng đặc dụng tại xã Tiên Kiên.

2.3.4. Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)

Dự kiến quỹ đất cho mục đích này quy hoạch đến năm 2030 là 107,82 ha, chiếm 1,1% tổng diện tích tự nhiên, bao gồm toàn bộ là diện tích đất cụm công nghiệp; phân bố trên địa bàn xã Phùng Nguyên, xã Sơn Vi, xã Tiên Kiên.

2.3.5. Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)

Dự kiến quỹ đất cho mục đích này quy hoạch đến năm 2030 là 172,61 ha, chiếm 1,75% tổng diện tích tự nhiên; tập trung trên địa bàn thị trấn Hùng Sơn, thị trấn Lâm Thao.

2.3.6. Khu thương mại dịch vụ

Dự kiến quỹ đất cho mục đích này quy hoạch đến năm 2030 là 145,59 ha, chiếm 1,48% tổng diện tích tự nhiên; tập trung chủ yếu tại địa bàn thị trấn Lâm Thao, thị trấn Hùng Sơn, xã Cao Xá, xã Phùng Nguyên, xã Tiên Kiên...

2.3.7. Khu dân cư nông thôn

Dự kiến quỹ đất cho mục đích này quy hoạch đến năm 2030 là 8.808,96 ha, chiếm 89,56% tổng diện tích tự nhiên, bao gồm toàn bộ diện tích các khu dân cư trên địa bàn các xã.

2.3.8. Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn

Dự kiến quỹ đất cho mục đích này quy hoạch đến năm 2030 là 1.121,77 ha, chiếm 11,41% tổng diện tích tự nhiên, bao gồm đất cơ sở sản xuất phi nông

ng nghiệp nông thôn và diện tích các khu ở trên địa bàn các xã.

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

3.1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Phương án quy hoạch đã xác định rõ cơ cấu diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng trong kỳ kế hoạch, tạo ra nguồn thu từ đất cho ngân sách địa phương thông qua các hình thức giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất.

3.2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực

Diện tích đất trồng lúa của huyện Lâm Thao sẽ được bảo vệ nghiêm ngặt đến năm 2030 là 2.549,04 ha, trong đó diện tích đất chuyên lúa nước là 2.225,33 ha. Như vậy đến năm 2030 huyện Lâm Thao vẫn có thể đảm bảo chỉ tiêu an toàn về nguồn cung ứng lương thực.

Đồng thời, dự kiến đến năm 2030 toàn huyện Lâm Thao có 373,54 ha đất trồng cây hàng năm khác cung cấp sản lượng ngô, khoai, rau màu các loại, đảm bảo lương thực, thực phẩm cho nhân dân trong vùng.

3.3. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất

- Việc giải quyết quỹ đất ở cho dân cư được xem xét kỹ trong phương án quy hoạch sử dụng đất. Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã tính toán đảm bảo quỹ đất cho nhu cầu tăng dân số, phát triển ổn định đời sống dân cư.

- Mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất:

Để khắc phục vấn đề này huyện đã có những giải pháp cụ thể như: Làm tốt công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, khuyến khích mở rộng ngành nghề sản xuất, hình thức kinh doanh dịch vụ để tạo thêm việc làm mới cho nông thôn; Tăng cường công tác đào tạo nghề, phân công lại lao động và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

3.4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng

Phương án quy hoạch sử dụng đất huyện Lâm Thao đến năm 2030 về cơ bản đáp ứng tương đối đầy đủ nhu cầu sử dụng đất cho phát triển hệ thống đô thị và các khu dân cư nông thôn. Xây dựng kế hoạch phát triển hệ thống điểm dân cư phù hợp với sự phân bố và phát triển lực lượng sản xuất. Quy hoạch các trung tâm cụm xã, dành đủ đất để xây dựng kiên cố hóa các công trình phúc lợi

công cộng như trường học, trạm xá, trụ sở cơ quan, chợ... sẽ góp phần nâng cao dân trí, cải thiện đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân.

3.5. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc

Phương án quy hoạch sử dụng đất huyện Lâm Thao đến năm 2030 đã xác định quỹ đất hợp lý cho việc mở rộng và tôn tạo các khu di tích lịch sử văn hóa. Xây dựng, tôn tạo các công trình văn hóa tâm linh... Qua đó góp phần đáng kể vào việc bảo tồn các di sản văn hóa dân tộc, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển ngành du lịch của huyện.

3.6. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ

Phương án quy hoạch đã xác định rõ tiềm năng các nguồn tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn. Tài nguyên đất được khai thác sử dụng hợp lý trên cơ sở ưu tiên bảo vệ các loại đất tốt phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp, đặc biệt là đất trồng lúa, rau màu, cây lâu năm trên các khu đất có độ phì khá như đất phù sa sông suối, đất xám feralit,...

PHẦN IV

**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU CỦA ĐIỀU CHỈNH
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Lâm Thao đã được phê duyệt tại quyết định số 339/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 21/02/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

I. CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT THEO CÁC MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Bảng số 09: Cân đối chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024

TT	CHỈ TIÊU	Mã KH	Hiện trạng SDD năm 2023		Kế hoạch SDD năm 2024		Biến động diện tích 2024/2023
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
	Tổng diện tích đất tự nhiên		9.835,41	100,00	9.835,41	100,00	
1	Đất nông nghiệp	NNP	6.071,29	61,73	5.726,37	58,22	-344,92
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.517,43	35,76	3.238,23	32,92	-279,20
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	3.135,80	31,88	2.871,06	29,19	-264,74
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	570,71	5,80	542,24	5,51	-28,47
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.108,07	11,27	1.096,04	11,14	-12,03
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	236,66	2,41	225,68	2,29	-10,98
	Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	587,87	5,98	575,21	5,85	-12,66
1.8	Đất làm muối	LMU					
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	50,54	0,51	48,97	0,50	-1,57
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.741,83	38,04	4.086,95	41,55	345,12
2.1	Đất quốc phòng	CQP	19,60	0,20	22,60	0,23	3,00
2.2	Đất an ninh	CAN	22,50	0,23	26,00	0,26	3,50
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	66,58	0,68	70,54	0,72	3,96
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	14,13	0,14	29,42	0,30	15,29
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	122,74	1,25	127,05	1,29	4,31
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	2,99	0,03	2,99	0,03	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	72,83	0,74	71,53	0,73	-1,30
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.304,34	13,26	1.473,76	14,98	169,42
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL					
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	14,02	0,14	15,46	0,16	1,44
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,91	0,01	2,38	0,02	1,47
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	566,94	5,76	675,13	6,86	108,19

Điều chỉnh QHSDD giai đoạn 2021-2030 huyện Lâm Thao

TT	CHỈ TIÊU	Mã KH	Hiện trạng SDD năm 2023		Kế hoạch SDD năm 2024		Biến động diện tích 2024/2023
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	118,68	1,21	140,92	1,43	22,24
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,44	0,12	12,14	0,12	0,70
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,08	0,00	0,08	0,00	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	8,55	0,09	8,55	0,09	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.311,72	13,34	1.311,72	13,34	
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	80,25	0,82	93,15	0,95	12,90
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	3,55	0,04	3,55	0,04	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	22,30	0,23	22,10	0,23	-0,20

(Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã được thể hiện chi tiết tại Biểu 06/CH).

II. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024, các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng như sau:

- Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp với tổng diện tích 346,74 ha.

- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp với tổng diện tích 4,30 ha.

- Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở: 17,09 ha.

(Chi tiết tại Biểu 07/CH. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ)

III. Diện tích đất cần thu hồi

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích các loại đất cần thu hồi với tổng diện tích 355,10 ha. Trong đó:

- Thu hồi đất nông nghiệp với tổng diện tích 327,52 ha.

- Thu hồi đất phi nông nghiệp với tổng diện tích 27,58 ha.

(Chi tiết tại Biểu 08/CH. Kế hoạch thu hồi đất năm 2024 huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ)

IV. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Trong kế hoạch năm 2024 của huyện Lâm Thao, diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng với tổng diện tích 0,2 ha.

(Chi tiết tại Biểu 09/CH. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng đất năm 2024 huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ)

V. Danh mục công trình, dự án

(Chi tiết danh mục các công trình, dự án thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được thể hiện tại Biểu 10/CH.)

PHẦN V

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Tranh thủ sự giúp đỡ của tỉnh và Trung ương để thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; thường xuyên thực hiện quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường trên địa bàn huyện để kiểm tra mức độ ô nhiễm về đất, nước, không khí và có các biện pháp xử lý, khắc phục ô nhiễm kịp thời.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường cho người dân, các doanh nghiệp, nhà quản lý, nhà đầu tư.

1.1. Các biện pháp sử dụng, bảo vệ, cải tạo đất đảm bảo sử dụng hiệu quả theo phương án quy hoạch

- Áp dụng kỹ thuật canh tác sản xuất nông nghiệp phù hợp điều kiện đất đai của tầng địa phương góp phần tăng năng suất trong sản xuất nông nghiệp.

- Sử dụng đất trong các hoạt động khai khoáng phải có phương án an toàn về môi trường, khi kết thúc hoạt động khai thác phải có thực hiện các biện pháp cải tạo, phục hồi môi trường.

1.2. Các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái để phát triển bền vững

- Bằng biện pháp giao đất cụ thể đến các đối tượng trực tiếp sử dụng đất, phát triển cơ sở hạ tầng (nhất là hệ thống giao thông) đến các địa bàn còn quỹ đất trống, tạo vốn, nhân lực, vật tư để đẩy mạnh trồng rừng.

- Các dự án xây dựng công trình công nghiệp, dịch vụ, du lịch, đô thị,... phải có phương án bảo vệ môi trường trước khi phê duyệt đưa vào sử dụng.

II. Giải pháp về nguồn lực

- Thường xuyên cập nhật, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức quản lý Nhà nước mới và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và sử dụng đất đai cho đội ngũ cán bộ, công chức quản lý Nhà nước, đặc biệt là cán bộ, công chức phòng Tài nguyên và Môi trường, địa chính các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- Có chính sách thu hút cán bộ khoa học - kỹ thuật giỏi, hỗ trợ và chế độ đãi ngộ thỏa đáng để thu hút, khuyến khích trí thức trẻ công tác tại huyện.

III. Các giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện

*** Giải pháp về đầu tư**

- Xây dựng kế hoạch về vốn và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước đã được xác định trong quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội của huyện.

- Tạo môi trường, chính sách thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào huyện, đặc biệt thu hút đầu tư vào các Cụm công nghiệp,

làng nghề, các điểm công nghiệp tập trung với phương châm không đánh đổi môi trường lấy sự tăng trưởng về kinh tế.

**** Giải pháp về chính sách***

- Quản lý, giám sát chặt chẽ việc sử dụng đất của các cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp trên địa bàn huyện.

- Quan tâm đến các chính sách và các biện pháp, các quy trình công nghệ, các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới để áp dụng sao cho đạt hiệu quả cao nhất trên một đơn vị diện tích đất đai.

**** Giải pháp về khoa học công nghệ***

Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ vào sản xuất. Khuyến khích đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ để tạo sản phẩm có giá trị cao.

**** Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch***

- Sau khi quy hoạch được phê duyệt, tổ chức công bố công khai toàn bộ tài liệu của phương án Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất đến tất cả các đơn vị hành chính, các tổ chức, cá nhân và toàn thể nhân dân trong huyện được biết đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBND huyện Lâm Thao tại địa chỉ: <http://lamthao.phutho.gov.vn/>.

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, nhằm đảm bảo tính thống nhất, đúng tiến độ và đúng mục đích sử dụng đất được duyệt.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận

Quy hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quản lý nhà nước về đất đai, nhằm đáp ứng nhu cầu cho các ngành thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, an ninh - quốc phòng, là cơ sở khoa học và pháp lý để quản lý sử dụng đất có hiệu quả tiết kiệm. Phương án quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 đã thực hiện đầy đủ tính chất này.

Xuất phát từ thực tế sử dụng đất, nghiên cứu sử dụng nhiều nguồn tài liệu, số liệu, bản đồ của các ngành các cấp về tình hình sử dụng đất và đánh giá tài nguyên đất đai. Số liệu hiện trạng sử dụng đất là số liệu pháp lý để thực hiện công tác quy hoạch. Quá trình xây dựng phương án có sự tham gia của người dân ở từng thôn, khu dân cư, của các ngành, các xã, thị trấn trong huyện, dưới sự chỉ đạo thống nhất của UBND huyện đảm bảo tính khách quan, dân chủ.

Nội dung phương án khẳng định rõ tài nguyên đất đai và triển vọng khai thác sử dụng. Về mặt ý nghĩa sẽ tạo cơ sở đảm bảo cho các ngành, các lĩnh vực KT-XH trên địa bàn phát triển đúng hướng, ổn định.

Việc phân bổ quỹ đất cho các ngành, các lĩnh vực trong phương án quy hoạch được tính toán đáp ứng nhu cầu sử dụng đất; quy hoạch, kế hoạch phát triển của từng ngành, theo định mức sử dụng đất,... khai thác vị trí thuận lợi và những ưu thế của huyện.

II. Kiến nghị

Để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong giai đoạn mới; làm căn cứ cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện Lâm Thao kính đề nghị:

- Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt đề phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Lâm Thao có hiệu lực thực hiện.

- Đề nghị UBND tỉnh và các cơ quan chức năng thường xuyên theo dõi, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phương án quy hoạch được thực hiện.

Ủy ban nhân dân huyện Lâm Thao trình Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ xét duyệt để làm cơ sở thống nhất cho công tác quản lý, sử dụng đất, giao đất, thu hồi đất, lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm... trên địa bàn huyện./